

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 30

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 07 tháng 10 năm 2013.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NBC

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Phú Cường	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Phú Cường

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2014

Số: 504/2014/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNHBáo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 được lập ngày 25/8/2014 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") và được trình bày từ trang 04 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo Kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2014

**Nguyễn Thị Minh Anh
Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2013-075-1

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110+120+130+140+150	100		1.183.801.558.465	1.100.444.931.146
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	50.665.359.930	84.215.154.598
1. Tiền	111		43.065.359.930	43.364.509.487
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.600.000.000	40.850.645.111
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		453.731.313.871	425.132.149.154
1. Phải thu khách hàng	131		376.374.261.349	362.701.090.190
2. Trả trước cho người bán	132		40.001.895.706	24.795.484.111
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	37.355.156.816	37.635.574.853
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	615.915.236.741	549.332.083.158
1. Hàng tồn kho	141		624.237.441.456	551.139.045.225
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.322.204.715)	(1.806.962.067)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		63.489.647.923	41.765.544.236
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	14.968.082.926	12.428.337.507
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.885.215.631	22.607.955.523
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.5	2.966.927.216	3.486.689.602
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	3.669.422.150	3.242.561.604
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		451.148.654.048	451.731.046.083
I Các khoản phải thu dài hạn	210		14.091.957.976	14.091.957.976
4. Phải thu dài hạn khác	218		14.091.957.976	14.091.957.976
II Tài sản cố định	220		245.650.876.221	251.068.269.301
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	217.653.013.225	218.640.793.883
- Nguyên giá	222		563.049.431.508	540.166.798.063
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(345.396.418.283)	(321.526.004.180)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	27.575.867.541	31.652.683.952
- Nguyên giá	228		33.447.440.090	36.648.307.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.871.572.549)	(4.995.624.004)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	421.995.455	774.791.466
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	156.497.472.923	154.645.672.923
1. Đầu tư vào công ty con	251		53.053.268.520	56.553.268.520
2. Đầu tư liên doanh, liên kết	253		79.033.591.018	75.020.541.018
3. Đầu tư dài hạn khác	258		24.410.613.385	23.071.863.385
V. Tài sản dài hạn khác	260		34.908.346.928	31.925.145.883
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	34.908.346.928	31.896.142.185
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	29.003.698
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.634.950.212.513	1.552.175.977.229

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2014 VND	01/01/2014 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.383.401.821.992	1.330.571.991.758
I- Nợ ngắn hạn	310		1.345.518.753.429	1.311.651.239.949
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	1.025.630.531.044	898.039.282.206
2. Phải trả người bán	312		205.844.766.544	220.264.368.489
3. Người mua trả tiền trước	313		18.036.572.552	3.917.600.361
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	2.528.730.180	11.096.345.418
5. Phải trả người lao động	315		54.049.980.360	91.496.398.418
6. Chi phí phải trả	316	5.14	14.341.884.906	18.323.580.439
9. Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác	319	5.15	13.581.888.847	59.028.868.256
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.504.398.996	9.484.796.362
II- Nợ dài hạn	330		37.883.068.563	18.920.751.809
3. Phải trả dài hạn khác	333		6.847.410.547	825.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	27.755.805.029	14.690.058.959
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.279.852.987	3.405.692.850
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		251.548.390.521	221.603.985.471
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	251.548.390.521	221.603.985.471
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.200.000.000	18.200.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.188.439.770	10.110.795.577
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		40.159.950.751	11.293.189.894
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.634.950.212.513	1.552.175.977.229

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Quế Thanh

Mai Văn Hoàng Dũng

Phạm Phú Cường



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	1.170.781.936.542	1.193.680.038.516
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	2.335.355.650	4.878.546.056
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	1.168.446.580.892	1.188.801.492.460
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	970.915.669.728	1.013.489.516.366
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		197.530.911.164	175.311.976.094
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	26.700.246.197	20.326.046.129
7. Chi phí tài chính	22	5.21	26.138.264.398	38.385.439.301
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.110.249.940</i>	<i>23.997.550.447</i>
8. Chi phí bán hàng	24		84.146.879.450	74.754.448.939
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		74.879.353.389	55.116.233.461
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		39.066.660.124	27.381.900.522
11. Thu nhập khác	31	5.22	2.298.906.612	7.071.534.768
12. Chi phí khác	32	5.22	482.531.837	211.592.909
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.816.374.775	6.859.941.859
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		40.883.034.899	34.241.842.381
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	4.961.561.815	5.270.924.444
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	42.519.674
17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		35.921.473.084	28.928.398.263
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.974	1.589

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Quế Thanh

Mai Văn Hoàng Dũng

Phạm Phú Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

Từ ngày 01/01/2014

đến ngày 30/6/2014

VND

CHỈ TIÊU	MS	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	40.883.034.899
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	2	26.761.423.336
Các khoản dự phòng	3	6.515.242.648
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	7.747.879.090
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(20.842.523.396)
Chi phí lãi vay	6	13.110.249.940
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	74.175.306.517
Biến động các khoản phải thu	9	(44.550.467.372)
Biến động hàng tồn kho	10	(73.098.396.231)
Biến động các khoản phải trả	11	(82.882.985.763)
Biến động chi phí trả trước	12	(5.551.950.162)
Tiền lãi vay đã trả	13	(13.110.249.940)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.991.520.662)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.208.139.248)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(162.218.402.861)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(21.577.942.636)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	321.727.274
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.351.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.754.708.502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.353.306.860)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.084.517.113.363
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(953.580.676.016)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	130.936.437.347
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(33.635.272.374)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	84.215.154.598
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	85.477.706
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	50.665.359.930

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Quế Thanh

Mai Văn Hoàng Dũng

Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 07 tháng 10 năm 2013.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NBC

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ là 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần Địa ốc ACB	1.544.323	15.443.230.000	8,49%
Công ty Cổ phần 4M	1.416.571	14.165.710.000	7,78%
Công ty Cổ phần TM và Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	10.149.984	101.499.840.000	57,77%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Bình Định
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Kontum
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội
 Chi nhánh Phía Bắc tại Hà Nội

Các công ty con**Tỷ lệ vốn đầu tư**

1. Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%
2. Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%
3. Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%
4. Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	51,00%
5. Công ty Cổ phần May An Nhơn	51,00%
6. Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%
7. Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Nhà Bè	51,00%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

1.1 Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết

Tỷ lệ vốn đầu tư

1. Công ty Cổ phần Liên doanh Newell - Nhà Bè	38,75%
2. Công ty Liên doanh Giặt tẩy - Nhà Bè	31,33%
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Bè	28,58%
4. Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	42,51%
5. Công ty Cổ phần May 9 - Nam Định	49,86%
6. Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%
7. Công ty Cổ phần Bất Động sản Nhà Bè	30,00%
8. Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	29,99%
9. Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	49,41%
10. Công ty Cổ phần May Sông Tiền	43,89%
11. Công ty Cổ phần Truyền thông NBC	46,67%
12. Công ty Cổ phần Du lịch Lagi	33,33%
13. Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm nhuộm;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế; ...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Năm tài chính/Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần Tổng Công ty có mở tài khoản. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng Thương mại cổ phần Tổng Công ty có mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

6 tháng đầu năm 2014**Số năm**

Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Phương tiện vận tải	06

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

6 tháng đầu năm 2014**Số năm**

Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Tổng Công ty khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc đại hội đồng cổ đông) công ty con. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Tại Báo cáo riêng của Tổng Công ty, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng, chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	12.935.176.127	11.242.810.815
Tiền gửi ngân hàng	30.130.183.803	32.121.698.672
Các khoản tương đương tiền	7.600.000.000	40.850.645.111
Tổng	50.665.359.930	84.215.154.598

5.2 Các khoản phải thu khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đặt cọc mua đất dự án	20.284.186.150	20.284.186.150
Phải thu BHXH nhân viên	2.681.076.834	1.814.314.187
Phải thu các công ty con, công ty liên doanh, các cửa hàng, xí nghiệp	11.633.955.890	11.739.861.157
Phải thu khác	2.755.937.942	3.797.213.359
Tổng	37.355.156.816	37.635.574.853

5.3 Hàng tồn kho

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.450.713.609	5.246.253.024
Nguyên liệu, vật liệu	235.805.613.574	232.886.682.107
Công cụ, dụng cụ	1.460.167.814	14.793.270.939
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	248.596.699.849	176.063.488.015
Thành phẩm	89.347.561.271	69.676.077.465
Hàng hóa	6.272.033.919	5.620.825.728
Hàng gửi bán	40.304.651.420	46.852.447.947
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.322.204.715)	(1.806.962.067)
Tổng	615.915.236.741	549.332.083.158

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	1.223.426.256	1.357.148.786
Chi phí CCDC	1.185.505.655	833.129.297
Chi phí khác	380.521.489	837.057.940
Máy móc thiết bị	475.391.667	81.572.647
Phân bổ phụ tùng	953.440.971	216.859.507
Chi phí quảng cáo	2.606.273.157	1.667.757.626
Chi phí sửa chữa	1.774.076.050	2.949.192.424
Chi phí thuê mặt bằng	6.369.447.681	4.485.619.280
Tổng	14.968.082.926	12.428.337.507

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế nhập khẩu	2.553.891.012	3.447.496.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	413.036.204	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	39.192.945
Tổng	2.966.927.216	3.486.689.602

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	3.389.744.604	3.242.561.604
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	279.677.546	-
Tổng	3.669.422.150	3.242.561.604

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	206.943.360.294	306.136.140.623	19.299.012.032	7.788.285.114	540.166.798.063
Tăng trong kỳ	3.441.248.753	30.166.298.480	-	641.291.232	34.248.838.465
Mua trong kỳ	-	20.678.269.179	-	559.966.232	21.238.235.411
XDCB hoàn thành	3.270.002.753	320.250.000	-	-	3.590.252.753
Giảm trong kỳ	171.246.000	11.113.634.017	-	81.325.003	11.366.205.020
Thanh lý, nhượng bán	-	1.945.854.716	-	-	1.945.854.716
Giảm khác	-	-	-	3	3
Số dư tại 30/6/2014	210.213.363.047	325.188.805.086	19.299.012.032	8.348.251.343	563.049.431.508
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	97.836.255.451	203.960.994.793	13.094.058.733	6.634.695.203	321.526.004.180
Tăng trong kỳ	6.128.199.262	19.360.359.169	944.913.048	263.922.907	26.697.394.386
Khấu hao trong kỳ	6.128.199.262	18.245.321.226	944.913.048	263.922.906	25.582.356.442
Tăng khác	-	-	-	1	1
Giảm trong kỳ	-	2.826.980.283	-	-	2.826.980.283
Thanh lý, nhượng bán	-	1.711.942.340	-	-	1.711.942.340
Số dư tại 30/6/2014	103.964.454.713	220.494.373.679	14.038.971.781	6.898.618.110	345.396.418.283
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	109.107.104.843	102.175.145.830	6.204.953.299	1.153.589.911	218.640.793.883
Tại 30/6/2014	106.248.908.334	104.694.431.407	5.260.040.251	1.449.633.233	217.653.013.225

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế	Quyền phát hành, Giấy phép GPNQ	CT, pha chế thiết kế, kiểu mẫu	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	4.816.588.366	13.973.536.515	15.524.609.255	2.333.573.820	36.648.307.956
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	3.200.867.866	-	-	3.200.867.866
Giảm khác	-	3.200.867.866	-	-	3.200.867.866
Số dư tại 30/6/2014	4.816.588.366	10.772.668.649	15.524.609.255	2.333.573.820	33.447.440.090
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	57.049.695	2.273.723.581	1.608.221.927	1.056.628.801	4.995.624.004
Tăng trong kỳ	68.459.634	689.103.084	304.825.482	116.678.694	1.179.066.894
Khấu hao trong kỳ	68.459.634	689.103.084	304.825.482	116.678.694	1.179.066.894
Giảm trong kỳ	-	303.118.349	-	-	303.118.349
Giảm khác	-	303.118.349	-	-	303.118.349
Số dư tại 30/6/2014	125.509.329	2.659.708.316	1.913.047.409	1.173.307.495	5.871.572.549
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	4.759.538.671	11.699.812.934	13.916.387.328	1.276.945.019	31.652.683.952
Tại 30/6/2014	4.691.079.037	8.112.960.333	13.611.561.846	1.160.266.325	27.575.867.541

5.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Khu xưởng sản xuất VESTON, JACKET và Khu Văn Phòng	230.909.091	-
Xưởng áo sơ mi cao cấp	110.086.364	-
Khảo sát địa chất may Nhà Bè	81.000.000	-
Xí nghiệp may KonTum	-	774.791.466
Tổng	421.995.455	774.791.466

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Nội dung	30/6/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ/CP	VND	Tỷ lệ/CP	VND
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty CP May Tam Quan	51,00%	15.300.000.000	51,00%	15.300.000.000
Công ty CP May Bình Định	51,84%	11.535.620.000	51,84%	11.535.620.000
Công ty CP May An Nhơn	51,00%	7.650.000.000	51,00%	7.650.000.000
Công ty CP May Gia Lai	51,00%	7.650.000.000	51,00%	7.650.000.000
Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	5.817.648.520	55,00%	5.817.648.520
Công ty CP Kinh doanh Nhà Bè Phía Bắc			70,00%	3.500.000.000
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	51,00%	2.550.000.000	51,00%	2.550.000.000
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	51,00%	2.550.000.000	51,00%	2.550.000.000
Tổng		53.053.268.520		56.553.268.520

Nội dung	30/6/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ/CP	VND	Tỷ lệ/CP	VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	15.360.000.000	43,89%	15.360.000.000
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà bè	49,41%	9.650.700.000	49,41%	9.650.700.000
Công ty CP May Phú Thỉnh - Nhà Bè	42,51%	9.223.819.263	42,51%	9.223.819.263
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	30,00%	9.000.000.000	30,00%	9.000.000.000
Công ty TNHH Giặt tẩy - Nhà bè	31,33%	7.368.899.700	22,74%	5.355.849.700
Công ty Liên doanh Newell - Nhà bè	38,75%	4.552.001.398	38,75%	4.552.001.398
Công ty CP May 9 - Nam Định	49,86%	3.889.170.657	49,86%	3.889.170.657
Công ty CP Đầu tư Nhà bè	28,58%	3.429.000.000	28,58%	3.429.000.000
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà bè	29,99%	3.000.000.000	29,99%	3.000.000.000
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà bè	30,00%	1.500.000.000	30,00%	1.500.000.000
Công ty CP Truyền thông NBC	46,67%	560.000.000	46,67%	560.000.000
Cty CP Du Lịch Lagi	33,33%	4.000.000.000	33,33%	2.000.000.000
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	7.500.000.000	25,00%	7.500.000.000
Tổng		79.033.591.018		75.020.541.018

Nội dung	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
Đầu tư cổ phiếu		
Công ty CP Dệt Việt Thắng	3.747.100.000	3.747.100.000
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Phụ liệu Dệt may Bình An	7.161.920.000	7.161.920.000
Công ty CP đầu tư và Phát triển Bình Thắng	5.802.843.385	5.802.843.385
Công ty CP May Nam Định	1.338.750.000	-
Công ty CP Bất động sản Việt Nam	3.480.000.000	3.480.000.000
Công ty CP Chọn	1.350.000.000	1.350.000.000
Công ty CP May An Nhơn	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	24.410.613.385	23.071.863.385

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê đất	16.714.359.097	16.939.478.539
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.710.203.650	4.648.104.410
Lợi thế thương mại	-	-
Chi phí quảng cáo	35.591.667	185.597.871
Chi phí sửa chữa	2.286.291.302	1.258.894.557
Chi phí phụ tùng	2.256.767.083	604.591.809
Tài sản chuyển theo TT45/2013	7.905.134.129	7.704.115.371
Khác		555.359.628
Tổng	34.908.346.928	31.896.142.185

5.12 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
NH TMCP Ngoại Thương VN	597.311.481.230	581.924.543.134
NH TMCP Ngoại Thương VN-CK	19.587.898.673	-
NH TNHH Indovina	-	1.781.969.887
NH TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	-	105.149.014.288
NH Quốc tế VN (VIB)	92.771.692.103	146.787.482.322
NH TMCP Á Châu	-	9.021.615.991
NH Far East National Bank	37.147.730.739	13.469.554.232
NH TMCP Quân Đội (MB)	37.522.782.511	5.427.511.220
NH Natixis Chi nhánh HCM	24.401.463.173	17.627.847.641
NH ANZ Chi nhánh HCM	52.549.210.359	4.179.928.504
NH TMCP Đầu Tư và Phát triển VN	125.658.719.737	-
- Nam SG		-
NH Đông nam Á - CN Chợ Lớn	36.201.063.793	-
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TMCP Á Châu - USD		4.599.871.927
NH TMCP Ngoại Thương VN - USD	394.770.734	1.027.633.722
Ngân hàng Phát triển An Giang - VND		3.971.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - VND	718.045.992	1.795.893.474
NH TMCP Ngoại Thương VN - VND	1.365.672.000	1.275.415.864
Tổng	1.025.630.531.044	898.039.282.206

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT	1.930.160.986	2.259.802.460
Thuế xuất, nhập khẩu	27.231.453	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.616.922.643
Thuế thu nhập cá nhân	530.365.438	1.091.444.735
Các loại thuế khác	40.972.303	128.175.580
Tổng	2.528.730.180	11.096.345.418

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Chi phí phải trả

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí chiết khấu thương mại	95.106.886	2.777.261.731
Bản quyền phần mềm Microsoft	23.247.298	1.215.828.000
Vải chính	5.900.396.518	2.906.839.102
Hạng mục san nền mặt bằng và Đường trục chính Cụm công nghiệp Tam Quan	-	6.847.410.547
Chi phí điện, nước	-	1.532.051.169
Chi phí logistics	2.416.205.289	1.331.536.118
Chi phí phải trả khác	5.906.928.915	1.712.653.772
Tổng	14.341.884.906	18.323.580.439

5.15 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	941.700.855	373.997.848
Bảo hiểm xã hội	4.172.078.906	670.440.633
Bảo hiểm y tế	566.382.100	471.578.530
Cổ tức phải trả	-	45.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	170.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.542.879.765	11.853.790.342
Bảo hiểm thất nghiệp	188.847.221	159.060.903
Tổng	13.581.888.847	59.028.868.256

5.16 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	27.755.805.029	14.690.058.959
NH TMCP Á Châu - VND	598.060.240	598.060.240
NH TMCP Ngoại Thương VN - VND	24.179.525.731	11.021.411.863
NH TMCP Ngoại Thương VN - USD	2.978.219.058	3.070.586.856
Tổng	27.755.805.029	14.690.058.959

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	182.000.000.000	18.200.000.000	8.287.425.211	9.140.883.579	217.628.308.790
Tăng trong năm	-	-	1.823.370.366	60.779.012.207	62.602.382.573
Phân phối quỹ	-	-	1.823.370.366	-	1.823.370.366
Lãi	-	-	-	60.779.012.207	60.779.012.207
Giảm trong năm	-	-	-	58.626.705.892	58.626.705.892
Trích lập các quỹ	-	-	-	10.940.222.197	10.940.222.197
Cổ tức phải trả	-	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Chia lợi nhuận HTKD	-	-	-	1.900.000.000	1.900.000.000
Khác	-	-	-	286.483.695	286.483.695
Số dư tại 31/12/2013	182.000.000.000	18.200.000.000	10.110.795.577	11.293.189.894	221.603.985.471
Số dư tại 01/01/2014	182.000.000.000	18.200.000.000	10.110.795.577	11.293.189.894	221.603.985.471
Tăng trong kỳ	-	-	1.077.644.193	35.921.473.084	36.999.117.277
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	35.921.473.084	35.921.473.084
Phân phối quỹ	-	-	1.077.644.193	-	1.077.644.193
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	7.054.712.227	7.054.712.227
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.825.079.887	6.825.079.887
Giảm khác	-	-	-	229.632.340	229.632.340
Số dư tại 30/6/2014	182.000.000.000	18.200.000.000	11.188.439.770	40.159.950.751	251.548.390.521

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2014 VND	Tỷ lệ %	01/01/2014 VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần Địa ốc ACB	15.443.230.000	8,49%	40.494.650.000	22,25%
Công ty Cổ phần 4M	14.165.710.000	7,78%	-	
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	0,27%	-	
Các cổ đông khác	101.499.840.000	55,77%	91.105.350.000	50,06%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm/kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong năm/kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày kết thúc kỳ hoạt động	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	45.500.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2014 Cổ phiếu	01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.170.781.936.542	1.193.680.038.516
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	1.160.973.888.036	1.188.350.984.569
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.808.048.506	5.329.053.947
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.335.355.650	4.878.546.056
Giảm giá hàng bán	2.335.355.650	4.878.546.056
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.168.446.580.892	1.188.801.492.460

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.19 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa	969.470.777.587	1.010.459.685.734
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.444.892.141	3.029.830.632
Tổng	970.915.669.728	1.013.489.516.366

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	769.269.437	5.337.551.822
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.977.760.847	10.694.865.852
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.608.913.936	4.293.628.455
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.336.623.759	-
Lãi cho vay	7.678.218	-
Tổng	26.700.246.197	20.326.046.129

5.21 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.110.249.940	23.997.550.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.943.511.609	6.877.437.652
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.084.502.849	7.510.451.202
Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng	26.138.264.398	38.385.439.301

5.22 Lợi nhuận khác

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Thu nhập khác	2.298.906.612	7.071.534.768
Xử lý công nợ	-	6.621.051.208
Thu nhập từ thanh lý	321.727.274	129.189.576
Khác	1.977.179.338	321.293.984
Chi phí khác	482.531.837	211.592.909
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	233.912.376	209.843.840
Phạt vi phạm hành chính	83.132.985	-
Khác	165.486.476	1.749.069
Tổng	1.816.374.775	6.859.941.859

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.883.034.899	34.241.842.381
Các khoản điều chỉnh tăng	1.647.279.654	2.113.857.804
Chi phí không chứng từ	1.629.646.629	1.436.466.114
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		267.470.384
Các khoản khác	17.633.025	409.921.306
Các khoản điều chỉnh giảm	19.977.760.847	15.272.002.410
Cổ tức nhận được	19.977.760.847	10.694.865.852
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		4.577.136.558
Tổng thu nhập tính thuế	22.552.553.706	21.083.697.775
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Chi phí thuế TNDN kỳ hoạt động	4.961.561.815	5.270.924.444
Thuế TNDN còn phải nộp	4.961.561.815	5.270.924.444

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.921.473.084	28.928.398.263
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.921.473.084	28.928.398.263
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.974	1.589

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	569.779.455.373	540.167.587.626
Chi phí nhân công	156.638.333.516	174.315.389.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.034.115.734	29.203.439.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.101.113.240	69.660.863.957
Chi phí bằng tiền khác	26.388.884.703	330.012.918.353
Tổng	1.129.941.902.566	1.143.360.198.766

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch Bán hàng trong kỳ**Từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/6/2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	264.364.308
		Gia công	1.676.030.167
		Khác	248.419.094
		Nguyên phụ liệu	42.688.875
		Quần áo	651.653.276
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty LD, liên kết	Tiền thuê nhà	(1.577.700)
		Điện, ăn, nước, thuê máy	50.633.000
		Gia công	1.956.158.676
		Nguyên phụ liệu	43.243.716
		Thiết bị các loại	11.818.182
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Quần áo	13.280.223
		Điện, ăn, nước, thuê máy	79.104.004
		Tiền thuê nhà	31.859.352
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	75.000
		Khác	37.585.320
		Thiết bị các loại	7.272.727
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	49.178.540
		Nguyên phụ liệu	869.072
		Tiền thuê nhà	65.109.390
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	38.954.000
		Khác	1.090.909
		Nguyên phụ liệu	228.354.811
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Thiết bị các loại	154.545.455
		Điện, ăn, nước, thuê máy	4.125.000
		Khác	2.000.000
		Nguyên phụ liệu	43.811.400
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	Quần áo	63.636.364
		Tiền thuê nhà	474.999.996
		Điện, ăn, nước, thuê máy	26.366.000
		Thiết bị các loại	21.090.909
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	4.609.000
		Nguyên phụ liệu	114.423.216
		Thiết bị các loại	2.000.000
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Tiền thuê đất	40.134.510
		Điện, ăn, nước, thuê máy	70.882.328
		Gia công	660.835.988
		Khác	7.572.727
Công ty CP truyền thông NBC	Công ty LD, liên kết	Thiết bị các loại	34.090.909
		Nguyên phụ liệu	1.869.812.047
		Tiền thuê nhà	(7.920.559)
		Quần áo	104.236.494
Công ty CP May Bình Thuận-NB	Công ty LD, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	35.343.972
		Tiền thuê nhà	67.273.130
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Quần áo	31.745.455
		Quần áo	1.754.545

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)*Giao dịch mua hàng trong kỳ*

**Từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/6/2014**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Chi phí XNK	21.685.633.165
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Gia công quần áo	14.675.857.551
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Gia công quần áo	41.196.089.406
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Gia công quần áo	18.549.995.789
Công ty CP May Bình Thuận-NB	Công ty LD, liên kết	Gia công quần áo	6.077.413.800
		Hoa hồng đại lý	33.510.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Gia công quần áo	16.350.468.302
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty con	Gia công quần áo	4.719.944.090
		Nguyên phụ liệu	8.430.000
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Gia công quần áo	55.069.426.179
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo	22.141.650
		Phí vận chuyển	6.881.000
Công ty CP Truyền Thông NBC	Công ty LD, liên kết	CCDC	1.036.694.629
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	336.210.000
		Khác	352.514.702
		Phụ tùng	15.607.941
		Quảng cáo	2.787.973.984
		Sửa chữa	1.841.874.345
		Văn phòng phẩm	4.669.046
		TSCĐ	1.491.383.050
Công ty CP TV Công Nghệ NB	Công ty LD, liên kết	CCDC	4.286.072.000
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	136.540.000
		Khác	62.800.000
		Phụ tùng	22.620.000
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	CCDC	226.610.000
		Phụ tùng	1.208.814.700
		Sửa chữa	177.324.318
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	May gia công	376.888.709

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**Từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/6/2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Phải trả khách hàng	4.204.770.673
Công ty CP May Bình Thuận - NB	Công ty LD, liên kết	Phải trả khách hàng	1.339.239.393
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải trả khách hàng	18.740.666.887
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Phải trả khách hàng	3.807.626.681
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả khách hàng	3.722.577.529
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty LD, liên kết	Phải trả khách hàng	1.540.203.526
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả khách hàng	7.322.021.865
Công ty May Phú Thịnh Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Phải trả khách hàng	5.736.420
Công ty Liên Doanh NeWel NB	Công ty LD, liên kết	Phải trả khách hàng	14.600.002
Công ty CP TV Công Nghệ NB	Công ty LD, liên kết	Phải trả khách hàng	32.120.000
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Phải trả khách hàng	301.936.250
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Phải thu khách hàng	12.294.931
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Phải thu khách hàng	8.330.256
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải thu khách hàng	669.915.000
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	180.153.649
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	3.901.416.426
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty LD, liên kết	Phải thu khách hàng	46.802.631
Công ty CP May Phú Thịnh - NB	Công ty LD, liên kết	Phải thu khách hàng	10.149.804
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	411.126.502
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	3.901.416.426
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	1.511.136.550
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nhà bè	Công ty LD, liên kết	Phải thu khách hàng	24.575.685
Công ty CP Truyền thông NBC	Công ty LD, liên kết	Phải thu khách hàng	76.129.238
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	KH ứng trước	2.119.699
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	KH ứng trước	9.153.081

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12 và số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.665.359.930	84.215.154.598
Phải thu khách hàng và phải thu khác	427.821.376.141	414.428.623.019
Đầu tư dài hạn	24.410.613.385	23.071.863.385
Tổng	502.897.349.456	521.715.641.002
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.053.386.336.073	912.729.341.165
Phải trả người bán và phải trả khác	219.426.655.391	279.293.236.745
Chi phí phải trả	14.341.884.906	18.323.580.439
Tổng	1.287.154.876.370	1.210.346.158.349

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro về giá**

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam - thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

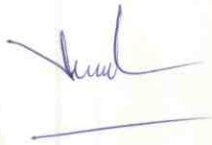
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được soát xét bởi công ty kiểm toán khác.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Thị Quế Thanh

Mai Văn Hoàng Dũng

Phạm Phú Cường

